ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3821/QĐ-UBND	*Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 /5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5075/TTr-SXD ngày 18/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070, với những nội dung sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.

2. Phạm vi lập quy hoạch, thời hạn lập quy hoạch và dân số:

- Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với diện tích tự nhiên là 340,02 km², gồm 07 đơn vị hành chính là: Thị trấn Lai Uyên, xã Cây Trường II, Hưng Hòa, Lai Hưng, Long Nguyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố, với tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Giáp huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

+ Phía Nam: Giáp thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

+ Phía Đông: Giáp huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;

+ Phía Tây: Giáp huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Thời gian lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2040, tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050.

- Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2030 khoảng 220.000 người đến 250.000 người; đến năm 2040 khoảng 320.000 người đến 350.000 người.

3. Quan điểm và mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Cụ thể hóa mục tiêu xây dựng các huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, trong đó, mục tiêu cụ thể đến năm 2020 huyện Bàu Bàng hoàn thành cơ bản tiêu chí huyện nông thôn mới trên cơ sở khai thác, phát huy các tiềm năng, thế mạnh sẵn có, tiến tới đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng.

- Quy hoạch huyện Bàu Bàng theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới nhằm xác định thực trạng và mục tiêu phấn đấu từng bước hoàn thiện các tiêu chí theo quy định.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng kinh tế, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của Huyện đề ra trong mối quan hệ với Vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

- Làm cơ sở để triển khai các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, phát triển đô thị; quản lý đô thị và các khu vực dân cư nông thôn, khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch,.v.v... và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng bộ.

4. Tính chất, chức năng, vai trò:

- Là huyện phát triển theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, ưu tiên phát triển công nghiệp dịch vụ, trong tương lai trở thành trung tâm công nghiệp phía Bắc của tỉnh Bình Dương.

- Là huyện cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Bình Dương, kết nối với tỉnh Bình Phước và khu vực Tây Nguyên thông qua tuyến Quốc lộ 13.

- Là vùng huyện thuộc Vùng kinh tế phía Bắc của tỉnh, có sự tác động tương hỗ và gắn kết với không gian kinh tế của huyện Dầu Tiếng và huyện Phú Giáo.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản áp dụng:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Năm tính	
		Tính	2030	2040
1	Giao thông			
	1.1. Khu vực đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới ≥7,5m)	km/km^2	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m^2/ng	≥ 5	≥ 7
	-Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 5	≥ 10
	1.2. Khu vực nông thôn	cấp	≥ VI (mặt đường ≥ 3,5m, nền đường ≥ 6,5m)	≥ VI (mặt đường ≥ 3,5m, nền đường ≥ 6,5m)
2	Cấp nước			
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	100	120
	- Tỷ lệ cấp nước	%	98	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn	L/người/ngày	80	100
	- Tỷ lệ cấp nước	%	92	95
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m^3/ha	40	40
3	Thoát nước bẩn			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	> 80%	> 80%
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp		> 80%	> 80%
4	Cấp điện			
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị	W/người	330	≥ 350
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn	W/người	50% đô thị	≥50% đô thị
	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp và TTCN	kW/ha	120-350	120-350

6. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

6.1. Về đánh giá hiện trạng

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 đảm bảo theo quy định; khảo sát các điều kiện tự nhiên, rà soát các quy hoạch, đồ án có liên quan; đánh giá tổng hợp theo phương pháp SWOT.

- Rà soát đánh giá việc thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã, quy hoạch đô thị và các quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt trên địa bàn huyện.

- Phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn, đặc điểm địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa chất tài nguyên, địa chấn.

- Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội: Phân tích đánh giá các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội theo các dự báo phát triển của địa phương và của tỉnh trên cơ sở đó, lựa chọn các chỉ tiêu dự báo làm cơ sở phân tích các tính chất, chỉ tiêu cụ thể trong phương án quy hoạch, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, GRDP/năm và cơ cấu kinh tế của huyện.

6.2. Dự báo dân số, lao động, các chỉ tiêu, cơ cấu kinh tế (theo các lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ thương mại, công nghiệp . . .) để lập đồ án quy hoạch.

6.3. Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian vùng:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của huyện trên cơ sở các dự báo, chương trình và kế hoạch (đề xuất hai phương án để lựa chọn)

- Tổ chức hệ thống các đô thị (định hướng lộ trình nâng cấp các đô thị , tốc độ đô thị hóa), các điểm dân cư nông thôn, xác định cụ thể các khu vực dân cư phát triển mới, định hướng khai thác không gian, kiến trúc cảnh quan được các vùng cảnh quan thiên nhiên như: hồ Từ Vân, các suối, rạch hiện hữu và vùng nông nghiệp sinh thái.

- Định hướng tổ chức không gian các cơ sở công nghiệp, thương mại dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương và khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, hạ tầng.

- Định hướng các khu sản xuất nông nghiệp: Xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nuôi trồng và chế biến nông sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất tập trung lớn.

- Định hướng hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã; khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Nghiên cứu mô hình đối với các trục động lực phát triển vùng dọc các tuyến đường: Quốc lộ 13, đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng, đường Bàu Bàng - Phú Giáo - Bắc Tân Uyên,....

- Đối với vùng trung tâm huyện: Làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm, làm tiền đề cho các nghiên cứu quy hoạch sau này.

- Dự bảo về quy mô đất đai theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù. Tổng hợp bằng bảng biểu trong đó có tính toán cân bằng nhu cầu sử dụng đất đai theo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội dự báo.

6.4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Về định hướng giao thông: Cập nhật Quy hoạch chuyên ngành giao thông, Quy hoạch xây dựng đô thị Bình Dương và hệ thống đường tỉnh; để xuất, tổ chức mô hình giao thông phù hợp (giao thông đường bộ kết hợp đường thủy) đảm bảo kết nối giao thông giữa các tiểu vùng trong huyện, kết nối với các huyện, thị xã , thành phố trong tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận trong vùng. Đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường trục xã đảm bảo kết nối giao thông và mục tiêu phát triển kinh tế; đề xuất mô hình giao thông công cộng, các bãi đỗ xe, bến xe trung tâm.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động địa chất; các giải pháp về san nền, thoát nước, phòng chống và xử lý các biến động địa chất, ngập lụt; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính.

- Về định hướng cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực đô thị và nông thôn, phù hợp với các quy hoạch xây dựng cấp tỉnh có liên quan; xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hồ, đập, kênh tưới đa mục đích, các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng cấp điện: Xác định tiêu chuẩn, dự báo nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện, đề xuất các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phát điện, xác định mạng lưới cấp điện đến các trạm hạ thế, dự kiến quy mô, vị trí công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp chiếu sáng thông minh, đề xuất sử dụng nguồn năng lượng khác (nếu có).

- Về định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị đến năm 2030 và dài hạn đến năm 2040. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và cập nhật quy hoạch điều chỉnh nghĩa trang đảm bảo phát triển lâu dài, đề xuất các giải pháp thực hiện, triển khai.

- Về định hướng hạ tầng viễn thông: Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối bố trí các đường ống đi ngầm theo từng giai đoạn quy hoạch, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng theo từng đơn vị hành chính, đáp ứng phát triển kinh tế xã hội.

6.5. Lập báo cáo tác động môi trường chiến lược: Xác định những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn, hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan, xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng, dự báo các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

6.6. Các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng vùng: Đề xuất các giải pháp về việc làm, an sinh xã hội, giao thông và nông nghiệp, đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư để phát triển kinh tế, đảm bảo mục tiêu theo quy hoạch đề ra.

6.7. Quy định quản lý quy hoạch xây dựng vùng cần nêu rõ: Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai huyện, quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế, quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn, quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường; quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng, phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho chính quyền cấp xã, thị trấn theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng.

7. Hồ sơ sản phẩm, chi phí lập quy hoạch và tiến độ thực hiện:

- Hồ sơ sản phẩm đồ án theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù.

- Chi phí lập quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Thời gian lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng không quá 12 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

8. Nguyên tắc chung:

- Tuy theo mức độ phức tạp của từng đồ án, nôi dung quy hoạch có thể hiện thành các bản vẽ riêng hoặc thể hiện chung trong 01 bản vẽ;

- Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật nằm ngoài phạm vi quy hoạch xây dựng được thể hiện trên sơ đồ có mối liên hệ với khu vực quy hoạch xây dựng;

- Trong bản vẽ cần có đầy đủ, rõ ràng các số liệu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến từng khu chức năng hoặc hạng mục công trình;

- Quy cách thể hiện hồ sơ (ký hiệu, đường nét, màu sắc…) theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng căn cứ nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt để tổ chức lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Bàu Bàng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm